

NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH - NỀN NGOẠI GIAO VÌ HÒA BÌNH VÀ SỰ HIỆN THỰC HÓA TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

PGS, TS TRẦN THỊ THU HƯƠNG

TS NGUYỄN THỊ MAI CHI

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh-Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, nhà ngoại giao kiệt xuất. Ở Người luôn toát lên nghệ thuật ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt, nhưng cứng rắn về nguyên tắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, lấy đối thoại thay cho đối đầu, thương lượng hòa bình thay cho xung đột, chiến tranh. Hiện thực hóa tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau khi đất nước được thống nhất, đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Thành quả cách mạng sau gần 35 năm đổi mới của dân tộc Việt Nam là sự kết tinh tư tưởng ngoại giao vì công lý, độc lập và hòa bình của Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; ngoại giao hoà bình; công cuộc đổi mới

1. Khát vọng hòa bình trong quan điểm và hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giành và giữ nền độc lập của dân tộc Việt Nam-đây cũng là cống hiến cho một nền hòa bình chân chính. Với tư duy biện chứng mácxít, Người cho rằng, độc lập dân tộc và hòa bình có mối quan hệ hữu cơ. Có độc lập, tự do, dân tộc mới có sức mạnh với nội lực ngày một nhân lên để giữ gìn hòa bình cho dân tộc và góp phần tích cực bảo vệ hòa bình trong khu vực và thế giới. Với Người, độc lập dân tộc luôn đi liền với hòa bình; hòa bình phải trong độc lập tự do, độc lập-hòa bình chân chính. Vì thế, trong nghệ thuật ngoại giao, Người luôn có thái độ mềm dẻo

để tìm ra điểm tương đồng, nhưng cứng rắn về nguyên tắc, giữ vững độc lập, chủ quyền.

Với thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trịnh trọng tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”¹.

Nhưng, chỉ 3 tuần sau đó (23-9-1945), thực dân Pháp tái đánh chiếm Nam Bộ. Nền hòa bình, tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam lại bị đe dọa. Trước dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, trên cơ sở kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã có những nhân nhượng để tránh một



Chủ tịch Hồ Chí Minh hội đàm với đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô thăm Việt Nam, ngày 8-1-1966

cuộc chiến tranh có thể xảy ra. Người nói: “dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình”².

Sự mong muốn hòa bình thể hiện rõ nét trong thực tế lịch sử: Từ tháng 9-1945 đến cuối năm 1946, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đã trên 30 lần bày tỏ lập trường hòa bình trong việc giải quyết cuộc xung đột Việt-Pháp.

Tháng 12-1946, khi thực dân Pháp gây hấn ở Hà Nội, chính Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* để bảo vệ “quyền” hòa bình, độc lập và nền hòa bình, độc lập thật sự của dân tộc đã được khẳng định trong *Tuyên ngôn độc lập*: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”³.

Trong “Thư gửi Chính phủ và nhân dân Pháp nhân dịp đầu năm mới” (1-1947), Hồ Chí Minh viết: “Mong quốc dân Pháp hiểu rằng chúng tôi

không thù hằn gì dân tộc Pháp. Chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu, chống bọn thực dân phản động đang mưu mô xẻ cắt Tổ quốc chúng tôi, đưa chúng tôi vào vòng nô lệ và gieo rắc sự chia rẽ giữa hai dân tộc Pháp và Việt. Nhưng chúng tôi không chiến đấu chống nước Pháp mới và quốc dân Pháp, chúng tôi lại còn muốn hợp tác thân ái”⁴.

Trong ngoại giao đối với Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh bày tỏ trong nhiều bức thư gửi Tổng thống Mỹ Truman hoặc Quốc vụ khanh Mỹ Bơ-nơ từ cuối năm 1945, đầu năm 1946. Người viết: “... mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở nên có lợi cho toàn thế giới”⁵.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: “Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng

chảy. Những dòng máu đỏ chúng tôi đều quý như nhau”⁶. Vì vậy, từ tháng 1 đến tháng 5-1947, Việt Nam đã 20 lần chính thức đề nghị chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng. Hồ Chí Minh đã 14 lần gửi thư cho Tổng thống, Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp đề nghị chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình.

Trung tuần tháng 5-1947, khi kháng chiến toàn quốc diễn ra được 5 tháng, Cao ủy Pháp phái Pôn Muýt lên Thái Nguyên đưa những “điều kiện tiên quyết” đi tới ngừng bắn, những điều kiện “vô lễ” và “vô lý”, thực chất là yêu cầu ta hạ vũ khí đầu hàng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hỏi ngược lại Pôn Muýt, nếu ở địa vị của tôi, ông ta có chấp nhận những điều kiện đó không? Pôn Muýt không trả lời được. Trong thư gửi nhân dân Pháp sau cuộc hội kiến với Pôn Muýt, Người khẳng định: “Chúng tôi muốn hòa bình. Chúng tôi muốn nước chúng tôi độc lập và thống nhất...”⁷.

Ngày 10-5-1947, trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *L'Humanité*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng tôi khao khát hòa bình và chúng tôi sẵn sàng hòa bình. Chỉ còn tùy thuộc vào quyết định của Chính phủ Pháp mà thôi”⁸.

Cuối tháng 5-1947, sau khi hội kiến với Pôn Muýt và đại diện Cao ủy Pháp Bôlae, Hồ Chí Minh gửi *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước* nói rõ thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam: “Vì nhân đạo, vì hoà bình, vì muốn giữ cảm tình với dân Pháp, Chính phủ ta đề nghị với Chính phủ Pháp, căn cứ nguyện vọng thống nhất và độc lập của dân ta, tìm cách dàn xếp cuộc chiến tranh”⁹.

Cũng thời điểm này, khi trả lời phóng viên Hăng Roitor (Anh), Hồ Chí Minh tiếp tục thể hiện nguyện vọng hòa bình: “Chúng tôi đã nhiều lần kêu gọi hoà bình, nhưng nước Pháp không trả lời”¹⁰.

Khi thực dân Pháp ngày càng bị sa lầy trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã mở đường cho Pháp và mong muốn kết thúc chiến tranh bằng con đường thương lượng hòa bình. Ngày 26-11-1953, trả lời báo *Expressen* (Thụy Điển), Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhưng nếu chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa *sẵn sàng tiếp ý muốn đó*”¹¹. Lời tuyên bố đầy thiện chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tiếng vang trên thế giới.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết (1954), trong buổi tiếp đầu tiên Ủy ban quốc tế giám sát đình chiến ở Việt Nam, đại biểu ba nước gồm Ấn Độ, Ba Lan và Canada, ngày 12-8-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi vốn yêu chuộng hoà bình, cho nên chúng tôi rất phấn khởi đón tiếp cuộc đình chiến. Chúng tôi sẽ đưa hết lực lượng và sẽ cố gắng không ngừng để giữ gìn hoà bình và thi hành đúng đắn tất cả những điều khoản đã ghi trong Hiệp định đình chiến”¹².

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hiệp định Giơnevơ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận định được mưu đồ của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Đông Dương. Do vậy, Người tiếp tục khẳng định: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hòa bình”¹³.

Khi đế quốc Mỹ lộ rõ dã tâm xâm lược Việt Nam, Hồ Chí Minh vạch trần luận điệu lừa bịp

của giới cầm quyền Mỹ, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, vừa thể hiện quyết tâm chống xâm lược, song sẵn sàng thương lượng hòa bình. Trong thư gửi Tổng thống Mỹ Aixenhao, đăng trên báo *Nhân Dân* số 974, ngày 4-11-1956, với bút danh C.B, Hồ Chí Minh viết: “Tổng thống là người thừa kế những lãnh tụ vĩ đại của Mỹ, như Oasinhton, Lincôn, Rudoven. Tự miệng ngài cũng thường nói đến hòa bình, chính nghĩa... Nhưng trong hành động thực tế đối với Việt Nam, ngài đã làm trái ngược với chính nghĩa, hòa bình”¹⁴...

Khi đế quốc Mỹ bắt đầu lúng túng, sa lầy trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đế quốc Mỹ chỉ có thể chọn một trong hai con đường: hoặc là chuẩn bị chào đón một trận Điện Biên Phủ, hoặc là thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ 1954... Nếu đế quốc Mỹ khôn hồn theo con đường thứ hai, nhân dân Việt Nam sẽ sẵn sàng hoan tống họ một cách lịch sự...”¹⁵.

Nhưng với mưu đồ đẩy mạnh chiến tranh Việt Nam của tập đoàn hiếu chiến Giôn xon, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ đã đẩy Việt Nam bước vào giai đoạn lịch sử đầy cam go, thách thức cả nước có chiến tranh. Trước bối cảnh đó, ngày 10-4-1965, tại diễn đàn Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ lập trường: “Chúng ta yêu chuộng hoà bình nhưng chúng ta không sợ chiến tranh. Chúng ta quyết đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược để bảo vệ tự do, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ta”¹⁶. Và “Kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai được xâm phạm đến quyền thiêng liêng ấy của nhân dân ta”¹⁷.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở vào giai đoạn vô cùng ác liệt, trong các văn bản gửi cho Mỹ, một mặt, Hồ Chí Minh tố cáo “tội

ác tày trời” mà Mỹ gây ra đối với nhân dân Việt Nam, khẳng định ý chí chiến đấu kiên cường của Việt Nam, không bao giờ khuất phục trước vũ lực bạo tàn. Đồng thời, Người tỏ rõ sẵn sàng cùng Mỹ tìm một giải pháp đúng đắn, chấm dứt chiến tranh. Trong thư trả lời Tổng thống Mỹ Giônxon, ngày 15-2-1967, Người viết: “Nhân dân Việt Nam quyết không khuất phục trước vũ lực và quyết không nói chuyện trước sự đe dọa của bom đạn. Sự nghiệp của chúng tôi là chính nghĩa. Mong Chính phủ Mỹ hãy hành động hợp lẽ phải”¹⁸.

Yêu chuộng hòa bình, tìm mọi phương sách để giải quyết bằng con đường hòa bình, nhưng khi Chính phủ Mỹ không “hành động hợp lẽ phải”, tiếp tục đẩy mạnh leo thang chiến tranh Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước* quyết tâm đứng lên để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do... Vì độc lập tự do của Tổ quốc... Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hi sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”¹⁹.

Trong thư trả lời Tổng thống Mỹ R. Nichxon, ngày 25-8-1969, Hồ Chí Minh bày tỏ sự căm phẫn trước tội ác mà quân đội Mỹ gây ra cho dân tộc, và “... rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam vì chính sách của nhà cầm quyền Mỹ”²⁰. Người cho rằng với thiện chí của cả hai bên, “có thể đi tới những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam”²¹.

Tinh thần mong muốn giải quyết bằng con đường ngoại giao hòa bình đã chỉ đạo xuyên suốt trên bàn đàm phán Pari từ năm 1968 đến ngày 27-1-1973, để cách mạng Việt Nam thực hiện

được “lộ trình”: “đánh cho Mỹ cút”, để sau đó “đánh cho ngụy nhào” năm 1975.

Trong ngoại giao quốc tế hiện đại (nhất là từ sau năm 1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người đầu tiên đề ra chủ trương đối thoại và kiên trì tiến hành đối thoại. Suốt đời kiên trì phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình cho nhân dân Việt Nam và thế giới, Người luôn thể hiện quan điểm đúng đắn và cách ứng xử riêng phù hợp với từng đối tượng. Chủ trương nhất quán của Người trong việc giải quyết những mâu thuẫn, quan hệ quốc tế bằng cách lấy đối thoại thay cho đối đầu, thương lượng hòa bình thay cho xung đột, chiến tranh. Đây chính là sự kết tinh tư tưởng ngoại giao vì công lý, độc lập và hòa bình của Hồ Chí Minh. Khi viết về điều này, Endô Anhôlettì, thay mặt Ủy ban Ý đấu tranh cho hòa bình và tự do ở Việt Nam, đã nhận định: Đấu tranh trong nửa thế kỷ, Người đã làm cho cuộc cách mạng giải phóng của nhân dân nước Người trở thành biểu tượng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới. Tinh thần cao cả của Người đã khiến cho ngay cả những kẻ thù địch với Người cũng phải kính trọng, khâm phục, và hơn ai hết, Người đã tập hợp được chung quanh tên tuổi của Người những cuộc đấu tranh và những niềm hy vọng của những người bị áp bức trên khắp trái đất, của nam, nữ thanh niên, của tất cả mọi người bất kỳ thuộc tín ngưỡng và lý tưởng nào đã lên tiếng phản đối chiến tranh, bạo lực và chủ nghĩa đế quốc.

2. Hiện thực hóa khát vọng hòa bình trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam

Năm 1986, Đảng đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội VI (1986) của Đảng đã khẳng định hoạt động đối ngoại là “xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế-xã hội khác nhau, cũng là những

điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta”²².

Đặc biệt, Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 20-5-1988, của Bộ Chính trị khóa VI “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới” khẳng định: Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân Việt Nam là phải cùng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đổi mới tư duy đối ngoại liên quan đến quan điểm quan hệ quốc tế; về đoàn kết quốc tế và tập hợp lực lượng trong quan hệ quốc tế của Việt Nam. Vì vậy, Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược đối ngoại của Việt Nam, mở ra giai đoạn xác lập và khởi động chính sách đối ngoại mở rộng, là khâu đột phá đưa Việt Nam hội nhập thế giới.

Đại hội VII (1991) của Đảng khẳng định: Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á-Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Một điều chỉnh trong đường lối đối ngoại, đồng thời phản ánh sự thay đổi nhận thức lớn của Đảng, đó là sự vận dụng quan điểm ngoại giao sẵn sàng mở rộng hợp tác với tất cả các nước “chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”²³. Sự vận dụng những quan điểm, nguyên tắc trong quan hệ quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đảng thể hiện đầy đủ qua tuyên bố “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”²⁴.

Tiếp đến, Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) của Đảng đề ra phương hướng về chiến lược đối ngoại của Nhà nước là: “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa,

tranh thủ tối đa mặt đồng thuận, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển²⁵.

Đại hội VIII (1996) của Đảng tiếp tục chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác với những chủ trương mới về hội nhập quốc tế như: “Mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác”; “Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ... góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển²⁶; “Thử nghiệm để tiến tới thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài²⁷.

Đại hội IX (2001) của Đảng, trên cơ sở đưa ra nhận định về toàn cầu hóa trong tiến trình hội nhập quốc tế, đã phát triển những quan điểm đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những ngày đầu thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển²⁸. Đây là lần đầu tiên Đảng đề ra chủ trương xây dựng quan hệ đối tác trong đường lối đối ngoại, một mốc quan trọng đánh dấu mốc phát triển về đường lối, chiến lược, chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Việt Nam. Ý nghĩa của chủ trương xây dựng quan hệ đối tác, được thể hiện: “Từ chỗ các hoạt động đối ngoại thiên về bảo vệ các lợi ích chính đáng của dân tộc chuyển sang trạng thái vừa giữ vững mục tiêu, vừa phát huy, đề cao vai trò, vị trí của Việt Nam trên trường

quốc tế, tham gia một cách chủ động vào các diễn đàn khu vực và quốc tế²⁹.

Đại hội X (2006) của Đảng tiếp tục vận dụng những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực³⁰.

Đại hội XI (2011) của Đảng chủ trương: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động tích cực hội nhập quốc tế³¹, nhằm “Nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế³².

Từ chỗ bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào khu vực và thế giới. Vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đại hội XII (2016) của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế³³, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo

điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, đối ngoại đa phương trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng thể chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Các hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam được mở rộng và đi vào chiều sâu ở tất cả các kênh đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại quốc hội và đối ngoại nhân dân; tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần duy trì hòa bình, ổn định, hỗ trợ phát triển và tạo vị thế mới của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương; giúp Việt Nam hội nhập ngày càng chủ động, tích cực, sâu rộng và khẳng định là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Hoạt động đối ngoại đa phương trên kênh ngoại giao nhà nước đã thu được những thành tựu nổi bật. Việt Nam đã có những đóng góp tích cực, hiệu quả và đảm nhiệm thành công nhiều vai trò chủ chốt tại các diễn đàn đa phương.

Bên cạnh các đề xuất và đóng góp tại các diễn đàn khu vực và quốc tế từ ASEAN đến ASEM, APEC, Liên hợp quốc... luôn được ủng hộ và đánh giá cao, Việt Nam còn được cộng đồng quốc tế tin nhiệm trao thêm nhiều trọng trách đa phương quan trọng

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cấm vận, trở thành thành viên của hơn 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ. Những thành tựu trên tất cả các kênh đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại quốc hội và đối ngoại nhân dân, hoạt động đối ngoại đa phương góp phần vô cùng quan trọng vào việc khẳng định vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế; tranh thủ nguồn lực quốc tế, tăng cường tiềm lực đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; chuyển tới

bạn bè năm châu về hình ảnh một dân tộc Việt Nam yêu chuộng hòa bình, đổi mới, năng động, tích cực phấn đấu vì hòa bình, tiến bộ xã hội và những giá trị chung của nhân loại.

Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử ấy của nền ngoại giao Việt Nam, chính là thành quả của sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nền ngoại giao hòa bình bền vững của dân tộc, góp phần vào dòng chảy chung của nhân loại: Hòa bình, độc lập và phát triển.

-
- 1, 2, 3, 5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 3, 104, 3, 204
 - 4, 6, 7, 8, 9, 10. *Sđđ*, T. 5, tr.3, 24, 155, 147, 150, 161
 11. *Sđđ*, T. 8, tr.340
 12. *Sđđ*, T. 9, tr. 23
 - 13, 14. *Sđđ*, T. 10, tr.12, 442
 - 15, 16, 17. *Sđđ*, T. 14, tr. 502, 513, 532
 - 18, 19, 20, 21. *Sđđ*, T. 15, tr.302, 131, 602, 603
 22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr. 364
 - 23, 24. *Sđđ*, T. 51, tr. 47, 49
 25. *Sđđ*, T. 53, tr. 223
 - 26, 27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr.121, 91
 28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 119
 29. Xem Báo Nhân Dân, ngày 29-12-2005
 30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr.112
 - 31, 32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 83, 83-84
 33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 153.